TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 554/2019/DS-PT
Ngày: 11/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2. Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1230/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2176/2019/QĐ-PT ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1966
2. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: 539/2/1 Đường B , Phường E, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà H: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2017)

Địa chỉ: 63 Đường Đ, Phường T, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: 50/3 đường 14 khu phố 15, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị Xuân D, (chết năm 2015) gồm:

2.1. Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1964

2.2. Bà Nguyễn Ngọc Vân V, sinh năm 1990

2.3. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 50/3 đường 14 khu phố 15, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Phòng 21, lầu 6, số 41 - 43 đường P, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đức Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Xuân D (chết năm 2015) gồm bà Nguyễn Ngọc Vân V, ông Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Đỗ Anh T, bà Bùi Thị Thu H có bà Nguyễn Thị A làm đại diện trình bày:

Ông T, bà H và bà Ngô Thị Xuân D có quan hệ làm ăn buôn bán với nhau tại chợ Nguyễn Tri Phương, quận 10. Do mối quan hệ buôn bán lâu năm nên thân thiết với nhau, bà D mua căn nhà số 50/3 đường số 14, khu phố 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thiếu tiền và bà hỏi mượn tiền vợ chồng ông T, bà H. Ông T, bà H đồng ý cho bà D mượn tổng cộng số tiền là 720.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 18/01/2016 với các lần cho mượn như sau :

- Ngày 26/6/2015, bà D mượn 420.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 26/6/2015.

- Ngày 18/12/2015, bà D mượn 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/12/2015.

Đến ngày 18/01/2016 bà D không trả tiền như đã hẹn với ông T, bà H mặc dù ông bà đã liên hệ bà D nhiều lần nhắc nhở yêu cầu bà thanh toán số tiền trên. Đến tháng 12/2016, ông T và bà H tiếp tục đến để yêu cầu bà D trả nợ nhưng được biết bà D đã chết. Do vậy, đến nay ông T, bà H vẫn không nhận được số tiền này nên ông bà khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho ông bà.

Nay ông, bà yêu cầu ông Nguyễn Đức Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà D phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc còn thiếu là 720.000.000 (Bảy trăm hai mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 19/01/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà D vắng mặt không lý do tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1230/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B - Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố hủy bỏ 02 (hai) "Giấy mượn tiền" đề ngày 26/6/2015 và ngày 18/12/2015 giữa bà Ngô Thị Xuân D và ông Đỗ Anh T, bà Bùi Thị Thu H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Ngọc Vân V, ông Nguyễn Đức H phải thanh toán cho ông Đỗ Anh T, bà Bùi Thị Thu H số tiền nợ là 905.400.000 (Chín trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ngàn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Đức Đ, ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Ngọc Vân V có đơn kháng cáo đối với Bản án số 1230/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị dơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt cho ông Đ, ông H và bà V bằng hình thức niêm yết công khai trong khi biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo không thể hiện việc giao cho tổ trưởng tổ dân phố để họ giao lại cho đương sự, không có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố hoặc công an phường theo quy định tại Khoản 5 Điều 177 BLTTDS 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Đ, ông H và bà V trình bày không nhận được các giấy triệu tập của tòa, chỉ nhận được bản án. Ông Đ, ông H và bà V vắng mặt trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm.

Án sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng của bà V và ông H. Do bà D chết trước khi khởi kiện nên cần xác định bà V và ông H là đồng bị đơn mới đúng.

Án sơ thẩm nhận định số nợ phải trả là 905.400.000đ trong đó gốc là 720.000.000 và lãi là 185.400.000đ. Ông Đ phải trả 50% tổng số nợ, 50% số nợ còn lại buộc các thừa kế của bà D phải trả nhưng không lập luận và phân tích lý do xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Tại phần quyết định tuyên buộc ông Đ, ông H và bà V phải thanh toán cho ông T và bà H tổng số nợ là 905.400.000đ nhưng không tuyên rõ trách nhiệm theo phần hay trách nhiệm liên đới. Bản án nhận định bà D có để lại di sản là phần căn nhà tại 50/3 Đường số 14, phường A, quận B do vợ chồng ông Đ và bà D đứng tên và thế chấp vay Ngân hàng Sacombank năm 2013 nhưng phần quyết định không tuyên rõ những người thừa

kế của bà D có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà D trong phạm vi di sản do bà D để lại là vi phạm quy định tại Điều 637 Bộ luật Dân sự 2005.

Nhận thấy cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận B giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 20 tháng 12 năm 2018 ông Nguyễn Đức Đ, ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Ngọc Vân V có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ (Bản án sơ thẩm niêm yết đối với bị đơn này 17/12/2018).

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức Đ, ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Ngọc Vân V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức Đ và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà D phải trả số nợ 720.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ trả và các con của bà D phải trả cho nguyên đơn số tiền 905.400.000 đồng, với nhận định: Căn cứ vào vào Giấy chứng tử số 129/2015 ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân phường 14, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Ngô Thị Xuân D chết ngày 23/12/2015. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh gửi cho Tòa án nhân dân quận B thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà D gồm có chồng là ông Nguyễn Đức Đ và các con là Nguyễn Ngọc Vân V, Nguyễn Đức H và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 652448, số vào sổ cấp GCN: CH12989 ngày 03/6/2013 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Nguyễn Văn Bên và ngày 16/7/2013 đã cập nhật biến động sang tên ông bà Nguyễn Đức Đ, bà Ngô Thị Xuân D.

Như vậy, bà D và ông Đ có tài sản chung là nhà đất tại 50/3 Đường số 14, khu phố 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Và giá trị tài sản trên vào tháng 10/2015 là 1.066.000.000 đồng do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) định giá khi ông Đ và bà D vay tiền tại đây. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông Đ là chồng của bà D sẽ chịu trách nhiệm trả ½ số nợ cho bà D là 452.700.000 đồng; ½ số nợ còn lại do bà D có tài sản trên và giá trị tài sản cũng đủ để thanh toán nợ nên những người hưởng thừa kế của bà D là ông Nguyễn Đức Đ và các con là Nguyễn Ngọc Vân V, Nguyễn Đức H có trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Ngọc Vân V, ông Nguyễn Đức H phải trả cho ông Đỗ Anh T, bà Bùi Thị Thu H số tiền 905.400.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà D chết năm 2016, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tháng 3 năm 2017, bà D chết trước khi nguyên đơn khởi kiện nên cần xác định bà V và ông H là đồng bị đơn. Án sơ thẩm nhận định số nợ phải trả là 905.400.000đ trong đó gốc là 720.000.000 và lãi là 185.400.000đ. Ông Đ phải trả 50% tổng số nợ, 50% số nợ còn lại buộc các thừa kế của bà D phải trả nhưng không lập luận và phân tích lý do xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Tại phần quyết định tuyên buộc ông Đ, ông H và bà V phải thanh toán cho ông T và bà H tổng số nợ là 905.400.000đ nhưng không tuyên rõ trách nhiệm theo phần hay trách nhiệm liên đới.

Nguyên đơn cho rằng cho bà D vay tiền là để bà D mua căn nhà số 50/3 đường số 14, khu phố 15, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (bà D vay năm 2015). Tuy nhiên, căn nhà ông Đ và bà D tạo lập là từ năm 2013. Trong giấy biên nhận vay tiền, chỉ một mình bà D ký tên vay. Căn nhà này vào năm 2013 ông Đ và bà D đã thế chấp ở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Gò Vấp, Phòng Giao dịch Chợ Cầu để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn thế chấp đến năm 2023. Từ lúc bà D chết (tháng 12/2016) số nợ Ngân hàng này ông Đ vẫn là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến nay.

Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị căn nhà theo giá đã định của Ngân hàng khi Ngân hàng thực hiện thủ tục cho vay vốn để cho rằng bà D có để lại di sản và buộc ông Đ cùng các con của bà D phải trả nợ cho nguyên đơn là chưa đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định bà D có để lại di sản hay không và giá trị của di sản những người thừa kế của bà D được hưởng là bao nhiêu mà buộc những người này trả nợ cho nguyên đơn là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Do đó, để giải quyết vụ án được khách quan, đảm bảo hai cấp xét xử, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và giao về cho Tòa án nhân dân quận B - Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra và xét xử lại.

Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được xét xử sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Đức Đ, ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Ngọc Vân V.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1230/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0030807 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Ngọc Vân V số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0030806 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0030808 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu. (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Quy